

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU LUKA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU LUKA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUKA IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LUKA IMPORT EXPORT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110488728

**3. Ngày thành lập:** 27/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Xuân Bách, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0926511555

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                       | 4322     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết :<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh                                                    | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                         | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                          | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                      | 4653     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                             | 4659     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng )                                                                                                                                                                                         | 4662     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết ;<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi | 4663     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                           | 4669     |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                          | 8230     |
| 12. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                            | 8292     |

|     |                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Loại trừ mặt hàng Nhà nước cấm )<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá ) | 8299        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                             | 4690        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ đấu giá)                                                                                                                            | 4791        |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ đấu giá)                                                                                                                                       | 4799        |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                               | 4933(Chính) |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                              | 5210        |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                         | 5224        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)                                                                                  | 5229        |
| 23. | Bưu chính<br>Chi tiết: Bưu chính trong nước                                                                                                                                                              | 5310        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)                                                                                    | 5610        |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                 | 5621        |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                     | 5629        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(trừ kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                     | 5630        |
| 28. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                        | 8129        |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                  | 3320        |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 31. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4741        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4742        |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4752        |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4759        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng , sủng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                    | 4773                                                                |
| 36. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: PHÙNG VĂN THO

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 22/02/1981

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081049707

Ngày cấp: 03/11/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Xuân Bách, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Xuân Bách, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: PHÙNG VĂN THO

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/02/1981

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081049707

Ngày cấp: 03/11/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Xuân Bách, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Xuân Bách, Xã Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội